

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :286

sáng; mì thòt ga ca rot nam mỗp gia rau
hung
Sõa grow
Trõa : Cõm thòt ñum trõng cut sot ca chua.
canh cai thao tom kho thòt heo nac
Mon xao: mỗp,nam
Xe: sõa grow
Xe chieu: Banh mì sandwich xuc xich
NT,mam: chao thòt tom tõi khoai tay ca rot

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36992				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Đơn giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
*CHỒ				
1	Ram (mười)	1,000	1,060	10,600
2	Tom kho	200	78,100	156,200
3	Tom bien	1,300	34,970	454,610
4	Nộm mắm Cá (loại 1)	2,000	5,940	118,800
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nộm cá	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Tôm cá*	2,000	8,250	165,000
9	Gạo tẻ máy	15,000	2,630	394,500
10	Hành lá	1,500	5,360	80,400
11	Hành củ tỏi	1,000	5,780	57,800
12	Cà rốt	3,500	5,460	191,100
13	Cà chua	3,500	5,670	198,450
14	Giá nấu xanh	1,000	2,520	25,200
15	Mỡ	6,000	3,990	239,400
16	Nam rôm	1,000	13,130	131,300
17	Khoai tây	1,500	3,890	58,350
18	Cải thảo*	7,000	5,460	382,200
19	Mì gói	12,500	4,500	562,500
20	Bánh khảo chay	17,000	4,180	710,600
21	Xúc xích	4,500	17,600	792,000
22	Thịt lợn nạc	12,000	18,060	2,167,200
23	Thịt gà loại 1	3,000	12,920	387,600
24	Trứng cut	3,000	13,000	390,000
Cong				8,017,310
*XUẤT KHO				
25	Sữa bột Abbott Grow	12,500	20,500	2,562,500
Cong				2,562,500
Tổng tiền thức phẩm				10,579,810 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộp chi trong ngày				10582000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				2190(đ)
Xuất an lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				